

# Kiến thức, thái độ về phòng ngừa chuẩn của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

Tô Thị Liên\*, Lê Thanh Bảo Ngọc, Lê Thị Quế Phương, Phạm Duy Quang

Khoa Điều dưỡng, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành  
ttlien@ntt.edu.vn

## Tóm tắt

Nghiên cứu mô tả cắt ngang này được thực hiện nhằm đánh giá kiến thức và thái độ về phòng ngừa chuẩn của sinh viên điều dưỡng tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Khảo sát bao gồm 119 sinh viên và tập trung vào các khía cạnh như vệ sinh tay, phương tiện phòng hộ cá nhân, thực hành tiêm an toàn, vệ sinh hô hấp và vệ sinh môi trường. Kết quả cho thấy chỉ 26,9 % sinh viên có kiến thức đạt yêu cầu về PNC, trong khi 95,0 % thể hiện thái độ tích cực và sẵn sàng tuân thủ các hướng dẫn. Đáng chú ý, có sự khác biệt giới tính rõ ràng, với sinh viên nữ có kiến thức và thái độ tích cực hơn sinh viên nam. Những phát hiện này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tăng cường giáo dục và đào tạo trong lĩnh vực kiểm soát nhiễm khuẩn nhằm cải thiện kiến thức và sự tuân thủ của sinh viên trong việc thực hành phòng ngừa chuẩn, từ đó góp phần bảo vệ an toàn cho nhân viên y tế và người bệnh.

Nhận 22/06/2024  
Được duyệt 05/08/2024  
Công bố 28/10/2024

## Từ khóa

Phòng ngừa chuẩn, kiến thức, thái độ, sinh viên điều dưỡng, kiểm soát nhiễm khuẩn

© 2024 Journal of Science and Technology - NTTU

## 1 Đặt vấn đề

Nhiễm khuẩn bệnh viện (NKBV) là một vấn đề luôn được quan tâm trong ngành y tế toàn cầu, với tỷ lệ mắc bệnh cao hơn đáng kể ở các quốc gia thu nhập thấp và trung bình so với các quốc gia phát triển. Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), tỷ lệ này tại các quốc gia châu Âu khoảng 5 %, trong khi tại các nước thu nhập thấp và trung bình là từ 5,7 % đến 19,1 % [1]. Ở Việt Nam, tỷ lệ NKBV dao động từ 3,5 % đến 10 % trong số người nhập viện [1]. NKBV không chỉ làm gia tăng chi phí điều trị, mà còn gây ra các hệ quả nghiêm trọng khác như kéo dài thời gian nằm viện và tăng nguy cơ tử vong.

Trong bối cảnh đó, phòng ngừa chuẩn (PNC) được coi là phương pháp hiệu quả nhất để ngăn ngừa NKBV [2]. Các biện pháp PNC bao gồm vệ sinh tay; sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân (PHCN); vệ sinh khi ho và hô hấp; sắp xếp người bệnh; tiêm an toàn; phòng ngừa tổn thương do vật sắc nhọn; vệ sinh môi trường;

xử lý dụng cụ; đồ vải và chất thải. Tuy nhiên, các nghiên cứu cho thấy tỷ lệ tuân thủ các biện pháp PNC của sinh viên điều dưỡng (SVĐD) còn thấp [3] đặc biệt tại Việt Nam [4].

Nghiên cứu này nhằm khảo sát mức độ hiểu biết và thái độ về PNC của SVĐD tại Việt Nam, đồng thời xác định các yếu tố ảnh hưởng đến kiến thức và thái độ này. Điều này không chỉ quan trọng trong việc nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe mà còn giúp giảm thiểu rủi ro trong môi trường lâm sàng, đặc biệt là trong quá trình sinh viên thực tập lâm sàng tại các cơ sở y tế.

## 2 Phương pháp nghiên cứu

2.1 Thiết kế nghiên cứu: nghiên cứu mô tả cắt ngang.

2.2 Đối tượng và mẫu nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu bao gồm SVĐD bậc đại học chính quy năm thứ ba tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành (NTTU). Các tiêu chuẩn lựa chọn bao gồm sinh viên đang theo học và đồng ý tham gia tại thời điểm



khảo sát. Sinh viên không có mặt hoặc đang bảo lưu kết quả học tập được loại trừ.

Thời gian nghiên cứu: từ ngày 10/08 đến 26/08/2023.

Kích thước mẫu: áp dụng công thức tính cỡ mẫu:

$$n = \frac{N}{1 + N * (e)^2}$$

Trong đó: N: quy mô tổng thể mẫu (N = 334)

e: sai số cho phép chọn là 5 % = 0,05

n: số mẫu cần nghiên cứu n = 182

Tổng cỡ mẫu thu được là 182 sinh viên.

### 2.3 Công cụ thu thập dữ liệu

Bộ câu hỏi được thiết kế gồm ba phần:

Phần I: thông tin chung – bao gồm giới tính, dân tộc, thông tin về đào tạo PNC đã nhận, hình thức đào tạo và việc nhận tài liệu về PNC.

Phần II: kiến thức về PNC – 66 câu hỏi trắc nghiệm, bao gồm 9 tiêu chí với điểm số tối đa là 66 điểm, đánh giá kiến thức qua điểm số với ngưỡng đạt từ 43 điểm trở lên [4].

Phần III: thái độ đối với PNC – 5 câu hỏi được đánh giá bằng thang đo Likert từ 0 đến 2 điểm. Thái độ được chia thành thái độ tích cực và thái độ chưa tích cực.

### 2.4 Thu thập và xử lý dữ liệu

Sinh viên trả lời bộ câu hỏi trong khoảng 20-30 phút.

Dữ liệu thu thập được nhập và phân tích sử dụng phần mềm SPSS 20. Thống kê mô tả và thống kê phân tích bao gồm tần suất, tỷ lệ phần trăm và kiểm định chi bình phương để so sánh các biến định tính. Mối tương quan có ý nghĩa khi  $p < 0,05$ .

### 2.5 Đạo đức nghiên cứu

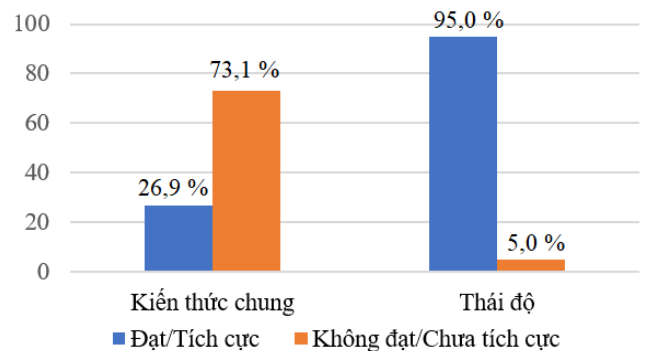
Nghiên cứu được thực hiện sau khi được sự chấp thuận của NTTU và được thông báo rõ ràng mục đích cho các đối tượng tham gia. Mục đích nghiên cứu được thông báo rõ ràng cho các đối tượng tham gia, đảm bảo tính tự nguyện và bảo mật thông tin cá nhân, chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu này.

## 3 Kết quả

### 3.1 Đặc điểm của đối tượng tham gia

**Bảng 1** Đặc điểm của đối tượng tham gia

Thông tin chung		Tần số	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	43	36,1
	Nữ	76	63,9
Dân tộc	Kinh	113	95,0
	Khác	6	5,0
Đào tạo về PNC	Có	108	90,8
	Không	11	9,2
Nhận tài liệu về PNC	Có	115	96,6
	Không	4	3,4
Hình thức đào tạo về PNC	Môn học Kiểm soát nhiễm khuẩn	108	100,0

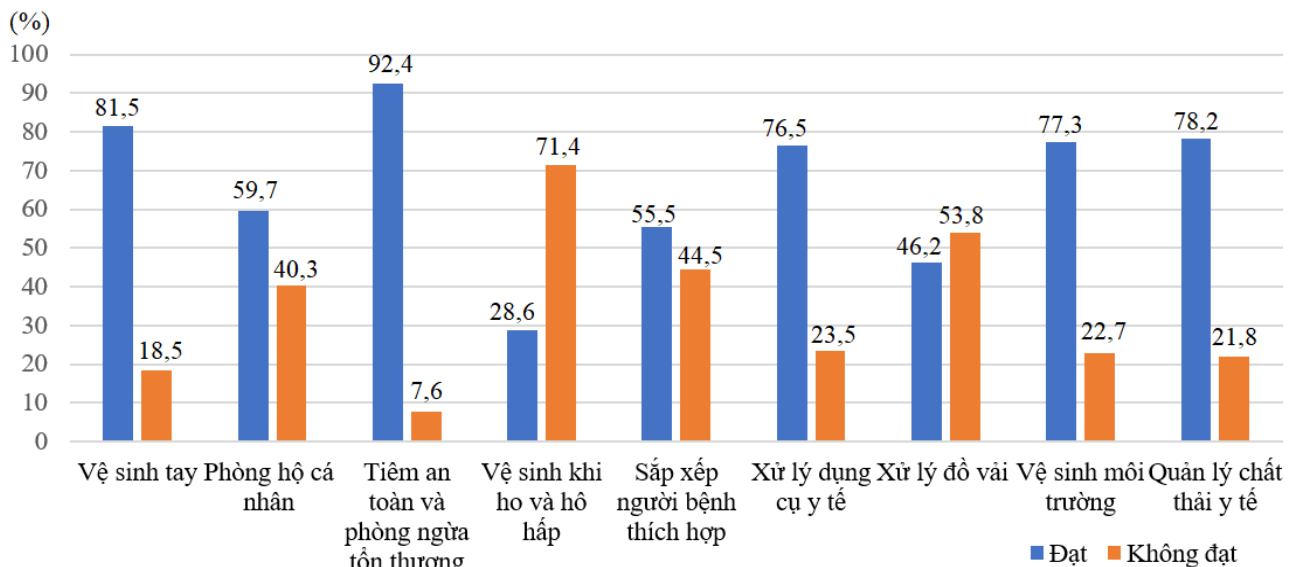


**Hình 1** Kiến thức chung và thái độ về PNC của SVĐD

Từ 182 SVĐD được mời tham gia, 119 sinh viên đã hoàn thành khảo sát, đạt tỷ lệ phản hồi là 65,4 %. Phân tích đặc điểm dân số cho thấy 63,9 % là nữ giới và 95 % thuộc dân tộc Kinh. Đa số sinh viên (90,8 %) đã được đào tạo về phòng ngừa chuẩn (PNC) thông qua môn học Kiểm soát nhiễm khuẩn, và 96,6 % đã nhận tài liệu hướng dẫn về PNC, Bảng 1.

### 3.2 Kiến thức và thái độ về PNC của SVĐD

Chỉ 26,9 % sinh viên đạt yêu cầu về kiến thức PNC, trong khi 73,1 % chưa đạt. Về thái độ, 95,0 % sinh viên thể hiện thái độ tích cực và 5,0 % có thái độ không tích cực đối với PNC, Hình 1.



**Hình 2** Kiến thức về PNC của SVDD

Hình 2 minh họa kết quả khảo sát về từng lĩnh vực kiến thức PNC của SVDD. Kết quả cho thấy tỷ lệ đạt cao nhất ở lĩnh vực tiêm an toàn và phòng ngừa tổn thương với 92,4 % sinh viên đạt kiến thức. Ngược lại, tỷ lệ thấp nhất thuộc về lĩnh vực vệ sinh khí ho và hô hấp, với chỉ 28,6 % sinh viên đạt kiến thức. Các lĩnh vực khác như vệ sinh tay và

quản lý chất thải y tế cũng ghi nhận tỷ lệ đạt tương đối cao, lần lượt là 81,5 % và 78,2 %. Tuy nhiên, tỷ lệ kiến thức đạt ở lĩnh vực sắp xếp người bệnh hợp lý và xử lý đồ vải chỉ đạt 55,5 % và 46,2 % tương ứng, cho thấy sự cần thiết phải cải thiện đào tạo trong các khu vực này.

3.3 Các yếu tố liên quan đến kiến thức và thái độ về PNC

**Bảng 6** Các yếu tố liên quan đến kiến thức và thái độ về PNC

Yếu tố	Kiến thức chung PNC				p*	Thái độ về PNC				p*
	Đạt (N, %)		Chưa đạt (N, %)			Tích cực (N, %)		Không tích cực (N, %)		
Giới tính										
Nam	5	15,6	49	56,3	0,005	36	31,8	2	33,3	0,003
Nữ	27	84,4	38	43,7		77	68,2	4	66,7	
Dân tộc										
Kinh	30	93,7	83	95,4	0,715	107	94,6	6	100,0	0,562
Khác	2	6,3	4	4,6		6	5,4	0	0,0	
Đào tạo về PNC										
Có	27	84,3	81	93,1	0,145	111	98,2	4	66,6	0,427
Không	5	15,7	6	6,9		2	1,8	2	33,4	

\*Kiểm định Chi bình phương

Phân tích cũng cho thấy giới tính có ảnh hưởng đến kiến thức và thái độ về PNC, với nữ giới có kiến thức và thái độ tích cực hơn nam giới ( $p < 0,05$ ). Không phát hiện mối tương quan có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức và thái độ về PNC ( $p > 0,05$ ).

#### 4 Thảo luận

Nghiên cứu này được tiến hành với 119 SVDD tại NTTU, trong đó 63,9 % là nữ giới, phản ánh xu hướng

giới trong ngành Điều dưỡng [4-6] Đa số SVDD (95,0 %) là người dân tộc Kinh, phù hợp với đặc điểm dân cư tại Việt Nam. Tỷ lệ sinh viên đã được đào tạo về PNC là 90,8 %, cao hơn nhiều so với tỷ lệ tại Trường Đại học Y Hà Nội (30,3 %) [7], nhưng thấp hơn so với Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (100 %) [5]. Chỉ có 26,9 % SVDD có kiến thức đầy đủ về PNC, cao hơn so với các nghiên cứu tại Đại học Y khoa Vinh (5,9

%) [4] và Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (15,3 %) [8], nhưng thấp hơn so với Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (84,2 %) [5] và Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương (52,34 %) [6]. Sự khác biệt trong tỷ lệ kiến thức có thể do khác biệt trong phương pháp đào tạo và đối tượng nghiên cứu bao gồm cả sinh viên năm 3 và năm 4, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc cải thiện chất lượng đào tạo và thực hành PNC [5, 6].

Nghiên cứu này đã phân tích theo lĩnh vực kiến thức của SVĐD về các biện pháp PNC. Về vệ sinh tay, tỷ lệ sinh viên trả lời đúng là 81,5 %, thấp hơn so với nghiên cứu của Đỗ Thị Thu Hiền và cộng sự [6], cho thấy cần cải thiện trong giáo dục và huấn luyện về vệ sinh cá nhân. Trong khi đó, kiến thức về PHCN ở mức 59,7 %, cho thấy sự ổn định so với các nghiên cứu trước [6] nhưng vẫn cần được nâng cao. Sắp xếp người bệnh thích hợp chỉ đạt 55,5 % so với 90,7 % tại Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương [6], điều này cảnh báo về sự cần thiết của việc cải thiện chất lượng đào tạo trong lĩnh vực này để đảm bảo an toàn cho bệnh nhân và nhân viên y tế. Mặt khác, kiến thức về an toàn tiêm chủng và phòng ngừa chấn thương do vật sắc nhọn đạt 92,4 %, cho thấy sự hiệu quả của chương trình giáo dục hiện hành. Tuy nhiên, kiến thức về vệ sinh khí ho và hô hấp là thấp nhất với chỉ 28,6 % trả lời đúng, rất cần được chú trọng nâng cao trong chương trình đào tạo do mối liên hệ trực tiếp đến nguy cơ lây nhiễm chéo trong bệnh viện. Kết quả cho thấy sự cải thiện đáng kể trong kiến thức về xử lý dụng cụ y tế, với 76,5 % trả lời đúng, tuy nhiên, kiến thức về xử lý đồ vải vẫn còn thấp. Kiến thức về vệ sinh môi trường và phân loại chất thải có tỷ lệ đạt cao nhưng vẫn thấp hơn so với các nghiên cứu trước [6], chỉ ra rằng cần có sự cải thiện trong giáo dục và thực hành. Những kết quả này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đầu tư vào giáo dục liên tục và đào tạo thực hành để nâng cao năng lực của sinh viên trong việc áp dụng kiến thức PNC vào thực tiễn chăm sóc sức khỏe một cách hiệu quả và an toàn.

Trong nghiên cứu này, 95,0 % sinh viên thể hiện thái độ tích cực về PNC, tăng đáng kể so với 65,9 % [4], 52,7 % [5] và 46,7 % [6] được báo cáo trước đó. Đa số sinh viên (86,0 %) mong muốn nhận thêm đào tạo về PNC, với hơn 80,0 % cho rằng giảng viên đã cung cấp thông tin đầy đủ về các biện pháp phòng ngừa nhiễm trùng. Điều này cho thấy một nhu cầu cao đối với việc mở rộng các buổi hướng dẫn và tăng cường đào tạo thực hành, sử dụng các tình huống mô phỏng trong giáo dục PNC

Phân tích trong nghiên cứu này đã chỉ ra một mối liên hệ đáng chú ý giữa kiến thức về PNC và giới tính. Cụ thể, kết quả cho thấy sinh viên nữ có mức độ kiến thức về PNC cao hơn so với sinh viên nam. Hơn nữa, thái độ tích cực đối với PNC của sinh viên nữ cao hơn 4,6 lần so với sinh viên nam, tương tự phát hiện của nghiên cứu trước [4]. Sự chênh lệch này có thể phản ánh đặc tính của ngành điều dưỡng, nơi phần lớn sinh viên là nữ, cả trong quá trình đào tạo và trong thực hành nghề nghiệp sau này. Điều này có thể gợi ý rằng tính cẩn thận, thường được gán cho phụ nữ, có thể đóng góp vào sự khác biệt về mức độ kiến thức và thái độ đối với PNC giữa hai giới. Nghiên cứu không tìm được mối tương quan giữa kiến thức và thái độ của PNC, lý do có thể là do tỷ lệ sinh viên phản hồi thấp (65,4 %), khác với kết quả của những nghiên cứu trước đây [4,5].

Nghiên cứu này đã hiệu quả trong việc mô tả kiến thức và thái độ về PNC của SVĐD năm thứ ba, và khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến kiến thức và thái độ PNC. Điều này góp phần xác định các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và chăm sóc sức khỏe. Tuy nhiên, nghiên cứu gặp hạn chế về phạm vi, khi chỉ tập trung vào một nhóm sinh viên cụ thể và không bao gồm sinh viên từ các ngành khác như Y đa khoa, Kỹ thuật y học, và Y học dự phòng, làm giảm tính đại diện cho toàn bộ SVĐD. Hơn nữa, nghiên cứu chưa đánh giá thực hành PNC tại cơ sở y tế, và phương pháp thu thập dữ liệu dựa vào phát vấn tự điền có thể không đảm bảo sự chính xác tuyệt đối. Để giảm thiểu sai số, người được khảo sát đã có sự hướng dẫn kỹ lưỡng về mục tiêu và tầm quan trọng của sự trung thực trong trả lời, điều này đã khuyến khích sự hợp tác từ phía sinh viên, giúp thu thập dữ liệu chính xác hơn.

## 5 Kết luận

Nghiên cứu ghi nhận 26,9 % SVĐD đạt kiến thức đầy đủ về PNC, mặc dù 95,0 % trong số họ thể hiện thái độ tích cực đối với PNC. Sự chênh lệch đáng kể giữa giới tính trong cả kiến thức và thái độ về PNC cho thấy cần thiết phải tập trung vào việc cải thiện và định hướng giáo dục PNC, đặc biệt là cho sinh viên nam. Để nâng cao hiệu quả, đề xuất thực hiện các buổi học ngoại khóa, tăng cường đào tạo thực hành và các hoạt động mô phỏng tình huống thực tế, nhằm cải thiện khả năng áp dụng kiến thức PNC vào thực tiễn lâm sàng của sinh viên.

## Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế. (2019). Gánh nặng nhiễm khuẩn bệnh viện. Retrieved from [https://moh.gov.vn/diem-tin-y-te/-/asset\\_publisher/sqTagDPp4aRX/content/thong-tin-y-te-ngay-6-11-2019](https://moh.gov.vn/diem-tin-y-te/-/asset_publisher/sqTagDPp4aRX/content/thong-tin-y-te-ngay-6-11-2019)
2. World Health Organization. (2022). Standard precautions for the prevention and control of infections. Retrieved from <https://www.who.int/publications/i/item/WHO-UHL-IHS-IPC-2022.1>
3. Colet, P. C., Cruz, J. P., Alotaibi, K. A., Colet, M. K. A., & Islam, S. M. S. (2017). Compliance with standard precautions among baccalaureate nursing students in a Saudi university: A self-report study. *Journal of Infection and Public Health*, 10(4), 421-430. DOI:<https://doi.org/10.1016/j.jiph.2016.06.005>
4. Vũ Thị Thu Thủy, & Anh, T. T. Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ về phòng ngừa chuẩn của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Y khoa Vinh năm 2018. *Tạp chí Khoa học Điều dưỡng*, 1(2), 84-89. Retrieved from <https://jns.vn/index.php/journal/article/view/98>
5. Nguyễn Hồng Yến, & Nguyễn Hồng Khánh Linh. (2023). Kiến thức và thực hành về phòng ngừa chuẩn của sinh viên Điều dưỡng năm 3 và 4 Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. *Tạp chí Y Dược học Phạm Ngọc Thạch*, 2(2). DOI:10.59715/pntjmp.2.2.24
6. Đỗ, T. T. H., & Nguyễn, T. H. (2023). Kiến thức và thái độ về các biện pháp phòng ngừa chuẩn của sinh viên Điều dưỡng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương. *Tạp chí Y học Việt Nam*, 530(2). doi:10.51298/vmj.v530i2.6807
7. Lê Thị Nga. (2016). Kiến thức thái độ về các biện pháp phòng ngừa chuẩn của sinh viên tại Đại học Y Hà Nội. *Trường Đại học Y Hà Nội*.
8. Nguyễn Thị Thùy Linh, Nguyễn Thị Thắm, & Phạm Thanh Hải. (2019). Kiến thức, thái độ về phòng ngừa chuẩn của sinh viên Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. *Tạp chí Y học Dự phòng*, 29(9), 245

## Knowledge and Attitudes Towards Standard Precautions Among Nursing Students

To Thi Lien\*, Le Thanh Bao Ngoc, Le Thi Que Phuong, Pham Duy Quang

Nursing Faculty, Nguyen Tat Thanh University

\*ttlien@ntt.edu.vn

**Abstract** This cross-sectional study was conducted to assess the knowledge and attitudes regarding standard precautions among nursing students at Nguyen Tat Thanh University. The survey included 119 students and focused on various aspects such as hand hygiene, personal protective equipment, safe injection practices, respiratory hygiene, and environmental sanitation. The results indicated that only 26.9 % of the students had adequate knowledge about standard precautions, while 95.0 % exhibited a positive attitude and readiness to adhere to guidelines. Notably, there was a clear gender difference, with female students demonstrating higher levels of knowledge and more positive attitudes than their male counterparts. These findings underscore the importance of enhancing education and training in infection control to improve knowledge and compliance among students in standard precaution practices, thereby contributing to the safety of healthcare workers and patients.

**Keywords** Standard precautions, knowledge, attitudes, nursing students, infection control.

